

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU CỦA TRƯỜNG
(Thực hiện theo công văn số 5293/BGDĐT-GDDH ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
01	Phạm Hữu Lộc	25/02/1966	GV	TS	Tự động hóa và Điều khiển các quy trình công nghệ và sản xuất		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
02	Nguyễn Văn Dũng	03/01/1959	GV	ThS	Quản lý GD		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
				ĐH	Chế tạo máy			
03	Đinh Văn Đệ	8/12/1974	GV	TS	Cơ khí		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
04	Trần Kim Thu Liễu	04/01/1967	GVTHCC	ThS	Hoá hữu cơ	X		
05	Nguyễn Tiến Dương	15/05/1956	GV	ThS	Toán giải tích	X		
06	Phạm Thị Thu Nga	02/11/1976	GV	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học BM Toán	X		
07	Nguyễn Thị Cẩm Thạch	31/10/1970	GV	ThS	Đại số và lý thuyết số	X		
08	Hà Như Mai	08/04/1986	GV	ThS	Toán ứng dụng	X		
09	Nguyễn Thị Thủy	08/11/1983	GV	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	X		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSK, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
10	Cao Thị Nga	01/01/1969	GV	ĐH	SP Toán	X		
11	Nguyễn Văn Hậu	23/05/1969	GV	ĐH	SP Toán học	X		
12	Dương Đức Kiên	12/02/1986	GV	ĐH	SP Toán - Tin	X		
13	Nguyễn Thị Huyền Nga	03/05/1974	GV	ThS	Hóa vô cơ	X		
14	Nguyễn Huỳnh Mai Hạnh	12/02/1981	GV	ThS	Hóa hữu cơ	X		
15	Trịnh Khắc Vũ	17/04/1981	GV	ThS	Hóa vô cơ	X		
16	Nguyễn Phương Hà	29/11/1979	GV	ThS	Giáo dục học	X		
				ĐH	Công nghệ hoá học			
17	Lê Văn Bình	23/07/1982	GV	ThS	Công nghệ Sinh học	X		
18	Nguyễn Quỳnh Giao	14/04/1956	GVC	ThS	Quang học	X		
19	Nguyễn Văn Đông	21/05/1966	GV	ĐH	SP Vật lý	X		
20	Đặng Thị Kiến Trúc	01/01/1975	GV	ThS	Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao	X		
21	Cao Đình Trung Hậu	20/02/1971	GVC	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	X		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
22	Nguyễn Thanh Tú	18/09/1976	GV	ThS	Vật lý kỹ thuật	X		
23	Trần Thị Ánh Tuyết	24/08/1979	GV	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	X		
24	Nguyễn Đức Thắng	02/09/1965	GV	ĐH	Bóng chuyền	X		
25	Lê Thái Hùng	21/02/1974	GV	ĐH	SP Giáo dục thể chất	X		
26	Nguyễn Phú Tân	01/01/1977	GV	ĐH	SP Giáo dục thể chất	X		
27	Giang Phi Hùng	16/12/1983	GV	ĐH	SP Giáo dục thể chất	X		
28	Nguyễn Mạnh Phương	09/12/1981	GV	ĐH	SP Giáo dục thể thao	X		
29	Nguyễn Thị Minh Quý	16/09/1962	GV	ĐH	Tiếng Anh_SP	X		
30	Trương Thị Minh Hà	30/10/1962	GV	ĐH	Tiếng Anh_SP	X		
31	Trần Bạch Tuyết	20/10/1961	GV	ĐH	Tiếng Anh_SP	X		
32	Vương Thanh Thủy	03/12/1972	GV	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	X		
33	Nguyễn Thị Bảo Trân	09/12/1978	GV	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	X		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSK, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
34	Nguyễn Thị Thu Tâm	21/10/1976	GV	ĐH	Tiếng Anh	X		
35	Nguyễn Thị Thanh Tú	29/08/1978	GV	ĐH	Tiếng Anh	X		
36	Lê Nguyễn Mỹ Trâm	27/10/1971	GV	ThS	Ngôn ngữ học ứng dụng	X		
37	Võ Thị Hồng Lan	03/01/1974	GV	ĐH	SP Tiếng Anh	X		
38	Đinh Trần Phương Thảo	13/03/1990	GV	ĐH	SP Tiếng Anh	X		
39	Trần Thanh Trúc	22/09/1990	GV	ĐH	Tiếng Anh	X		
40	Nguyễn Thị Thu Hà	21/04/1982	GV	ThS	Giảng dạy tiếng Anh cho những người nói ngôn ngữ khác	X		
41	Phạm Thị Thu Hiền	04/06/1988	GV	ThS	Tiếng Anh	X		
42	Nguyễn Ngọc Quỳnh	11/03/1981	GV	ThS	Kinh tế chính trị	X		
43	Lê Thị Hồng Vân	05/09/1980	GV	ThS	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X		
44	Đinh Thị Huyền	18/06/1982	GV	ThS	Lịch sử Đảng CSVN	X		
45	Lương Thị Thanh Hà	16/12/1961	GV	ThS	Kinh tế chính trị	X		
46	Nguyễn Anh Kiệt	22/03/1965	GV	ĐH	Chính trị	X		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSK, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
47	Trần Thị Hồng Thu	23/10/1980	GV	ThS	Triết học	X		
48	Phạm Thị Vinh	20/10/1980	GV	ĐH	GD Chính trị	X		
49	Đỗ Thị Thom	20/10/1983	GV	ThS	Triết học	X		
50	Cao Thị Hồng Thắm	02/02/1985	GV	ĐH	Triết học	X		
51	Phan Thị Thùy Trang	18/08/1985	GV	ThS	Kinh tế chính trị	X		
52	Đỗ Thị Ngát	10/04/1985	GV	ThS	Chủ nghĩa Khoa học và Xã hội	X		
53	Lê Thị Mai Hương	06/08/1984	GV	ĐH	Kinh tế chính trị	X		
54	Nguyễn Thị Dinh	01/01/1976	GV	ĐH	Chính trị	X		
55	Hoàng Thị Trang	09/01/1983	GV	ThS	Chính trị học	X		
56	Đặng Thị Nhật Minh	28/09/1967	GV	ThS	Giáo dục học	X		
				ĐH	Luật học			
57	Nguyễn Thị Mai	30/03/1962	GVC	ĐH	Pháp luật	X		
58	Bùi Thành Dũng	03/05/1970	GV	ĐH	Luật học	X		
59	Trần Văn Lượng	10/08/1979	GV	ĐH	Luật học	X		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSK, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
60	Chung Trần Thế Vinh	25/06/1981	GV	ThS	Kỹ thuật Cơ khí		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
61	Nguyễn Tiến Nhân	23/02/1959	GV	ThS	Công nghệ chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
62	Nguyễn Tam Cường	13/02/1963	GV	ThS	Quản lý khoa học và công nghệ		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
				ĐH	Cơ khí chế tạo máy			
63	Võ Thúy Phương	24/03/1961	GV	ĐH	Cơ kỹ thuật		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
64	Vũ Quang Khải	25/11/1971	GV	ĐH	Cơ khí chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
65	Phan Thị Xuân Trang	01/03/1971	GV	ĐH	Kỹ thuật Công nghiệp		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
66	Phan Văn Thành	25/07/1964	GV	ĐH	Cơ khí chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
67	Đỗ Thị Phương Khanh	22/04/1975	GV	ThS	Giáo dục học		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
				ĐH	Cơ khí chế tạo máy			
68	Trương Thị Phương Hồng	25/08/1975	GV	ĐH	Cơ khí chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
69	Vũ Đức Pháp	26/09/1978	GV	ThS	Kỹ thuật Cơ khí		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
70	Dương Minh Chung	24/12/1976	GV	ĐH	Kỹ thuật công nghiệp		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSK, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
71	Nguyễn Thanh Vũ	10/10/1975	GV	ĐH	Cơ khí chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
72	Trần Đình Khải	26/07/1968	GV	ThS	Cơ khí nông nghiệp		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
73	Lư Thị Yến Vũ	19/05/1976	GV	ĐH	Cơ khí chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
74	Nguyễn Thành Long	19/07/1975	GV	ĐH	Cơ khí chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
75	Nguyễn Ngọc Quỳnh	19/11/1983	GV	ĐH	Cơ khí Tin học kỹ thuật		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
76	Nguyễn Duy Hải	05/08/1984	GV	ThS	Kỹ thuật Cơ khí		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
77	Nguyễn Tiến Dũng	01/01/1973	GV	ĐH	Cơ khí chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
78	Bùi Anh Tuấn	02/11/1988	GV	ĐH	Cơ khí chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
79	Trần Thị Hương	05/06/1980	GV	ThS	Công nghệ chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
80	Trần Minh Thông	23/11/1987	GV	ĐH	Kỹ thuật chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
81	Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc	29/03/1972	GV	ĐH	Cơ khí chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
82	Võ Minh Quang	25/08/1963	GV	ĐH	Cơ khí chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSK, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
83	Dương Thị Hồng	06/01/1989	GV	ThS	Kỹ thuật Cơ khí		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
84	Hà Phước Tuấn	01/11/1960	GV	ĐH	Chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
85	Nguyễn Chí Nhân	22/02/1978	GV	ThS	Quản lý GD		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
				ĐH	Cơ khí			
86	Hồ Văn Sĩ	03/09/1975	GV	ThS	Công nghệ chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
87	Nguyễn Ngọc Hiệp	01/01/1973	GV	ĐH	Cơ khí chế tạo máy		X	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
88	Nguyễn Văn Minh	28/08/1971	GV	ThS	Khoa học máy tính		X	Công nghệ thông tin
89	Nguyễn Văn Giang	15/02/1967	GVTHCC	ThS	Tin học		X	Công nghệ thông tin
90	Nguyễn Khoa	03/09/1963	GV	ThS	QLGD		X	Công nghệ thông tin
				ĐH	Tin học			
91	Nguyễn Thị Thủy	12/02/1966	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
92	Võ Anh Trang	01/10/1974	GV	ThS	Khoa học máy tính		X	Công nghệ thông tin
93	Nguyễn Nguyên Hoàng Ngọc Quyên	03/02/1980	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
94	Vũ Thị Thái Linh	12/02/1982	GV	ThS	Khoa học máy tính		X	Công nghệ thông tin

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghịệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
95	Lê Quý Hưng Quốc	25/07/1978	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
96	Nguyễn Sanh Cường	15/08/1969	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
97	Nguyễn Thị Thu Hồng	15/08/1969	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
98	Lê Hồng Thái	07/07/1982	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
99	Đặng Ngọc Đoàn	15/03/1977	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
100	Nguyễn Thị Khánh Thu	07/07/1977	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
101	Trần Việt Khánh	17/02/1979	GV	ThS	Hệ thống thông tin		X	Công nghệ thông tin
102	Bùi Văn Dũng	15/05/1975	GV	ĐH	Mạng hệ thống máy tính và viễn thông		X	Công nghệ thông tin
103	Đỗ Thị Hải Yến	06/02/1979	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
104	Lê Tất Đạt	23/09/1970	GV	ĐH	Tin học		X	Công nghệ thông tin
105	Nguyễn Văn Đôn	01/01/1974	GV	ThS	Khoa học máy tính		X	Công nghệ thông tin
106	Nguyễn Văn Danh	10/04/1983	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
107	Nguyễn Ngọc Tuyên	08/12/1988	GV	ĐH	SP Tin học		X	Công nghệ thông tin
108	Trần Vĩnh Xuyên	07/04/1981	GV	ThS	Khoa học máy tính		X	Công nghệ thông tin

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSK, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
109	Lê Phi Trường	04/01/1987	GV	ĐH	Khoa học máy tính		X	Công nghệ thông tin
110	Dương Ngọc Vọng	25/04/1975	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
111	Nguyễn Cao Phong	13/06/1982	GV	ĐH	Công nghệ thông tin		X	Công nghệ thông tin
112	Mai Chiếm Tuấn	20/10/1975	GV	ThS	Khoa học máy tính		X	Công nghệ thông tin
113	Nguyễn Duy Đạt	01/10/1989	GV	ThS	Khoa học máy tính		X	Công nghệ thông tin
114	Nguyễn Ngọc Trang	03/03/1966	GVC	ThS	Giáo dục học		X	Công nghệ thông tin
				ĐH	Khoa học máy tính			
115	Đỗ Tuấn Việt	02/09/1977	GV	ThS	Quản lý GD		X	Công nghệ thông tin
				ĐH	Tin học quản lý			
116	Nguyễn Hữu Thiện	02/10/1985	GV	ĐH	An ninh mạng		X	Công nghệ thông tin
117	Huỳnh Thị Mai	13/04/1978	GV	ThS	Quản lý GD		X	Công nghệ thông tin
				ĐH	Công nghệ thông tin			
118	Châu Văn Bảo	06/07/1974	GV	TS	Tự động hóa và Điều khiển các quy trình công nghệ và sản xuất		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
119	Nguyễn Huỳnh Liên	05/04/1961	GV	ThS	Quản lý GD		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
				ĐH	Điện kỹ thuật			

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghịệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
120	Tạ Minh Cường	01/07/1965	GV	ThS	Kỹ thuật điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
121	Nguyễn Văn Yên	25/06/1973	GV	ThS	Thiết bị, mạng và nhà máy điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
122	Ngô Hoàng Anh	20/10/1976	GV	ThS	Thiết bị, mạng và nhà máy điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
123	Nguyễn Minh Đức	19/02/1960	GV	ĐH	Điện công nghiệp		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
124	Nguyễn Minh Đức	03/12/1966	GV	ĐH	Tự động		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
125	Nguyễn Anh Tăng	31/08/1967	GV	ThS	Thiết bị, mạng và nhà máy điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
126	Lê Thế Huân	23/08/1965	GV	ĐH	Điện khí hóa và cung cấp điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
127	Trần Trung Hiếu	28/02/1978	GV	ĐH	Điện khí hóa và cung cấp điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
128	Nguyễn Trọng Trí	14/06/1979	GV	ThS	Kỹ thuật Điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
129	Vũ Hạnh Chiêu	10/03/1982	GV	ThS	Kỹ thuật Điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
130	Huỳnh Ngọc Mai	09/04/1972	GV	ThS	Tự động hoá		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
131	Nguyễn Hồng Đức	21/02/1971	GV	ĐH	Điện công nghiệp		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
132	Trần Công Tiến	10/08/1972	GV	ĐH	Kỹ thuật Điện - điện tử		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghịệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
133	Võ Cường	16/11/1966	GV	ThS	Kỹ thuật cơ điện tử		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
134	Nguyễn Trần Thanh Nhân	15/07/1979	GV	ĐH	Kỹ thuật Điện - điện tử		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
135	Tăng Cẩm Huê	07/11/1977	GV	ĐH	Kỹ thuật Điện - điện tử		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
136	Trần Hiếu Trinh	17/12/1977	GV	ĐH	Vật lý		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
137	Nguyễn Thị Tố Nga	02/01/1980	GV	ThS	Tự động hóa		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
138	Lê Tiên Đạt	13/03/1976	GV	ThS	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
139	Đặng Đức Minh	10/06/1974	GV	ThS	Kỹ thuật điện tử		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
140	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	22/10/1978	GV	ĐH	Vật lý		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
141	Quách Minh Thử	14/05/1979	GV	ThS	Kỹ thuật điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
142	Bốc Minh Trí	04/01/1982	GV	ThS	Kỹ thuật Điện tử		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
143	Mạnh Lê Hoàn	14/10/1979	GV	ThS	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
144	Ngô Phong Cường	20/09/1968	GV	ThS	Kỹ thuật cơ điện tử		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
145	Nguyễn Thùy Linh	03/02/1986	GV	ThS	Kỹ thuật Điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSK, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
146	Đỗ Huỳnh Thanh Phong	02/02/1983	GV	ThS	Thiết bị, mạng và nhà máy điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
147	Nguyễn Minh Đức Cường	19/01/1985	GV	ThS	Kỹ thuật Điện		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
148	Nguyễn Thùy Dương	24/05/1980	GV	ĐH	Kỹ thuật Điện - điện tử		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
149	Trần Nguyên Bảo Trân	02/04/1977	GV	ThS	Điều khiển học Kỹ thuật		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
150	Phạm Thành Danh	21/06/1974	GV	ThS	Kỹ thuật Điều khiển tự động		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
151	Phạm Minh Nghĩa	09/08/1964	GV	ThS	Quản lý GD		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
				ĐH	Điện công nghiệp			
152	Lê Hồng Vân	06/09/1961	GV	ĐH	Điện công nghiệp		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
153	Nguyễn Văn Thành	30/12/1974	GV	ThS	Quản lý khoa học và công nghệ		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
				ĐH	Công nghiệp nông thôn			
154	Nguyễn Văn Sơn	22/12/1965	GV	ĐH	Điện - Điện tử		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử
155	Phan Đức Long	17/07/1974	GV	ĐH	Kỹ thuật Điện - Điện tử		X	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
156	Nguyễn Anh Tuấn	06/11/1981	GV	ThS	Khai thác và bảo trì ô tô, máy kéo		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
157	Nguyễn Ngọc Phương	26/10/1963	GV	ThS	Quản lý GD		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
				ĐH	Ô tô - Máy kéo			
158	Võ Đắc Thịnh	16/01/1979	GV	ThS	Kỹ thuật Ô tô, máy kéo		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
159	Nguyễn Hữu Mạnh	04/03/1980	GV	ThS	Kỹ thuật cơ khí động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
160	Nguyễn Phú Thượng Lưu	19/10/1983	GV	TS	Cơ khí ô tô tự động hóa		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
161	Phan Anh Tuấn Kiệt	28/10/1983	GV	ThS	Kỹ thuật cơ khí động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
162	Triệu Phú Nguyên	13/03/1980	GV	ThS	Kỹ thuật cơ khí động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
163	Nguyễn Thành Đức	14/10/1978	GV	ThS	Kỹ thuật cơ khí động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
164	Nguyễn Minh Thái	02/09/1984	GV	ĐH	Cơ khí động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
165	Đặng Thái Sơn	06/08/1984	GV	ThS	Kỹ thuật Ô tô, Máy kéo		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
166	Nguyễn Thái Bình	02/01/1973	GV	ĐH	Cơ khí động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
167	Trần Minh Tuấn	17/11/1986	GV	ThS	Kỹ thuật cơ khí động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
168	Kiều Trung Tín	08/04/1982	GV	ĐH	Kỹ thuật ô tô - Máy động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
169	Trần Quốc Duy	11/09/1985	GV	ĐH	Công nghệ ô tô		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
170	Hồ Văn Hóa	29/06/1987	GV	ĐH	Cơ khí động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
171	Phạm Nguyễn Đức Trung	13/08/1987	GV	ĐH	Cơ khí ô tô		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
172	Nguyễn Thanh Hùng	03/09/1982	GV	ĐH	Cơ khí động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
173	Hoàng Phúc Bảo	28/01/1984	GV	ĐH	Cơ khí động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
174	Hà Quốc Bảo	02/02/1987	GV	ĐH	Cơ khí động lực		X	Công nghệ kỹ thuật Ô tô
175	Lê Quang Liêm	19/01/1972	GV	TS	Các quá trình và các thiết bị trong công nghệ hóa		X	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt
176	Đinh Đồng Hiệp	09/01/1964	GV	ThS	Công nghệ Nhiệt		X	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt
177	Võ Thiện Mỹ	08/06/1980	GV	ThS	Công nghệ Nhiệt		X	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt
178	Hà Chí Công	09/12/1980	GV	ThS	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa		X	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt
179	Võ Phước Quang	16/06/1959	GV	ThS	Quản lý GD		X	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt
				ĐH	Điện kỹ thuật			
180	Đặng Thế Huân	23/09/1969	GV	ĐH	Điện công nghiệp		X	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt
181	Võ Anh Hào	27/08/1975	GV	ĐH	Điện khí hóa và cung cấp điện		X	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSK, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
182	Đỗ Trọng Quý	05/09/1972	GV	ĐH	Điện khí hoá và cung cấp điện		X	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt
183	Phan Văn Hòa	15/03/1980	GV	ĐH	Công nghệ kỹ thuật nhiệt lạnh		X	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt
184	Nguyễn Vũ Xuân Thi	07/01/1971	GV	ĐH	Công nghệ chế biến Thủy sản		X	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt
185	Trần Đình Khoa	12/02/1985	GV	ĐH	Kỹ thuật nhiệt - Điện lạnh		X	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt
186	Trương Việt Khánh Trang	31/10/1970	GV	ThS	Quản lý GD		X	Công nghệ May
				ĐH	Kỹ thuật nữ công			
187	Phạm Thị Thanh Thúy	24/2/1976	GV	ThS	Giáo dục học		X	Công nghệ May
				ĐH	Thiết kế thời trang			
188	Nguyễn Bạch Cẩm Dung	11/10/1985	GV	ĐH	Công nghệ may (Đang học Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Vật liệu dệt may, khóa 2014 - 2016)		X	Công nghệ May
189	Lâm Thị Phương Thùy	27/11/1984	GV	ĐH	Công nghệ may (Đang học Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Vật liệu dệt may, khóa 2014 - 2016)		X	Công nghệ May

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
190	Nguyễn Ngọc Thọ	15/03/1978	GV	ĐH	Công nghệ may (Đang học Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Vật liệu dệt may, khóa 2014 - 2016)		X	Công nghệ May
191	Chế Vân Cầm	18/03/1984	GV	ĐH	Thiết kế thời trang (Đang học Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Vật liệu dệt may, khóa 2014 - 2016)		X	Công nghệ May
192	Nguyễn Thị Hiền	30/08/1989	GV	ĐH	Kỹ thuật nữ công		X	Công nghệ May
193	Bùi Thị Ngọc Sương	03/04/1985	GV	ĐH	Công nghệ cắt may		X	Công nghệ May
194	Nguyễn Trọng Nghĩa	15/04/1972	GV	TS	Quản trị KD		X	Quản trị kinh doanh
195	Lâm Viết Dũng	26/06/1976	GV	ThS	Quản trị KD		X	Quản trị kinh doanh
196	Nguyễn Thanh Lâm	7/2/1960	GV	ThS	Quản lý GD		X	Quản trị kinh doanh
				ĐH	Kinh tế ngoại thương			
197	Lê Xuân Thủy	07/09/1980	GV	ThS	Kinh doanh và Quản lý		X	Quản trị kinh doanh
198	Phạm Thị Gia Tâm	30/11/1984	GV	ThS	Kinh doanh và Quản lý		X	Quản trị kinh doanh
199	Trịnh Hoàng Hiệp	29/07/1977	GV	ThS	Quản trị kinh doanh		X	Quản trị kinh doanh

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh (GS, PGS, GVCC, GVC, GV, Trợ giảng)	Trình độ đào tạo (TSKH, TS, ThS, ĐH, CĐ)	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy khối kiến thức đại cương	Giảng dạy khối kiến thức chuyên nghiệp	Ngành đào tạo tham gia chủ trì
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
200	Lê Thị Thu Thảo	20/10/1983	GV	ThS	Kinh tế		X	Tài chính ngân hàng
201	Lữ Xuân Trang	18/03/1980	GV	ThS	Tài chính - Ngân hàng		X	Tài chính ngân hàng
202	Phan Thị Huyền Trang	19/12/1987	GV	ĐH	Tài chính - Ngân hàng		X	Tài chính ngân hàng
203	Đào Anh Tuấn	23/10/1990	GV	ĐH	Luật		X	Kinh tế Luật
204	Võ Thị Kim Thư	16/09/1990	GV	ĐH	Luật học		X	Kinh tế Luật
205	Nguyễn Kính	03/12/1965	GVC	ThS	Kế toán tài chính		X	Kế toán
206	Lưu Thị Thúy	25/07/1980	GV	ThS	Kế toán		X	Kế toán
207	Bùi Ánh Tuyết	02/06/1989	GV	ThS	Kế toán		X	Kế toán
208	Phạm Quỳnh Như	18/03/1982	GV	ThS	Kinh tế		X	Kế toán

Địa chỉ công bố công khai danh sách trên trang thông tin điện tử: lttc.edu.vn

Ghi chú: STT 17, 39 -> 41, 55, 83, 112, 113, 149, 150, 197 -> 204, 206 -> 208 là các ứng viên vừa trúng tuyển viên chức năm học 2015 - 2016, đang chờ kết quả phê duyệt của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà trường dự kiến mở ngành Kinh tế trong năm học 2016 - 2017. *hkh*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2015



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc